TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:81/2023/HNGĐ-ST
Ngày:23/6/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn – Hưu trí;

2. Bà Phạm Tú Nhi – Hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 84/2023/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: H, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Huy T1, địa chỉ: H, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Trịnh Huy T1 tự nguyện yêu nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện

V, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 10 tháng 06 năm 2003.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung hạnh phúc, thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T cũng đã nhiều lần tạo cơ hội cho ông T1 để vợ chồng có thể hiểu nhau hơn nhưng không thành nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Huy T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Thùy L, sinh ngày 12/01/2005 và Trịnh Huy Đ, sinh ngày 04/08/2011. Sau khi ly hôn bà Lê Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Trịnh Huy T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Huy T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại bản tự khai ngày 25/4/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng ông T1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị T về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, nhưng ông xác định ông vẫn còn yêu thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của bà T giữa hai vợ chồng có 02 con chung là: Trịnh Thị Thùy L, sinh ngày 12/01/2005 và Trịnh Huy Đ, sinh ngày 04/08/2011, ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên nếu trường hợp Tòa án cho vợ chồng ông ly hôn thì ông đồng ý theo yêu cầu của bà T.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 25/4/2023 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa bà Lê Thị T và ông Trịnh Huy T1 tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường B và được cung cấp thông tin như sau: Bà Lê Thị T không phải là thành viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Toà án, bà T cũng không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội Liên hiệp phụ nữ phường B cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội liên hiệp phụ nữ phường B không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa bà Lê Thị T và ông Trịnh Huy T1. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An*: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ

vào Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn ông Trịnh Huy T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Lê Thị T và ông Trịnh Huy T1 tự nguyện chung sống và kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 quyển số 01 ngày 10/6/2003, tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Trịnh Huy T1 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn. Bị đơn ông Trịnh Huy T1 mặc dù trình bày vẫn còn yêu thương vợ con, không muốn ly hôn nhưng tại phiên hòa giải cả hai không thỏa thuận được. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2023 cháu Trịnh Thị Thùy L trình bày: "*Trong cuộc sống gia đình con thấy cha mẹ con không hạnh phúc. Con thấy bố thường xuyên đánh mẹ con, tầm khoảng một tháng bố con sẽ đánh mẹ con ít nhất 01 lần. Bố con đánh mẹ con đến nỗi có lần con phải gọi công an cứu mẹ con, lần gần đây nhất bố con đánh mẹ con đến nỗi mẹ con lên cơn co giật và con phải gọi xe cấp cứu đến cứu mẹ con. Hiện nay, mẹ đã dẫn theo con và em trai con ra thuê nhà trọ sinh sống. Con không muốn chứng kiến cảnh bố con đánh mẹ con và không muốn em trai con chứng kiến cảnh bố con sử dụng chất kích thích"* Từ những lời khai nêu trên của cháu L chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng, mâu thuẫn đã ảnh hưởng đến tâm lý của các con.

Vì vậy, việc bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trịnh Thị Thùy L, sinh ngày 12/01/2005 và Trịnh Huy Đ, sinh ngày 04/08/2011. Tại bản tự khai ngày 25/4/2023 của ông Trịnh Huy T1 cũng không thể hiện nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Các cháu Trịnh Thị Thùy L và Trịnh Huy Đ cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Xét thấy, việc giao 02 cháu Trịnh Thị Thùy L và Trịnh Huy Đ cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông Trịnh Huy T1 thực hiện nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[7) Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Trịnh Huy T1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/6/2023).

2. Về con chung: Bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Trịnh Thị Thùy L, sinh ngày 12/01/2005 và Trịnh Huy Đ, sinh ngày 04/08/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T không yêu cầu ông Trịnh Huy T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị T và ông Trịnh Huy T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên,Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006164 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà